

Số: /QĐ-UBND

Triệu Sơn, ngày tháng năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Bình Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/06/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến Quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết một số nội dung về Quy hoạch xây dựng; Nghị định 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng về quy định hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù; Thông tư 02/2017/TT-BXD ngày 01/3/2017 của Bộ Xây dựng quy định hướng dẫn về quy hoạch xây dựng nông thôn; Thông tư số 22/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng về ban hành quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1858/QĐ-UBND ngày 22/4/2021 của Chủ tịch UBND huyện về việc phê duyệt nhiệm vụ và dự toán lập quy hoạch chung xây dựng xã Bình Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030;

Căn cứ Văn bản số 3215/SXD-QH ngày 18/5/2021 của Sở Xây dựng Thanh Hóa về việc ý kiến về 05 hồ sơ đồ án quy hoạch chung xây dựng xã của 05 xã: Thọ Bình, Hợp Tiến, Xuân Lộc, Triệu Thành, Bình Sơn, huyện Triệu Sơn, đến năm 2030;

Theo đề nghị của phòng Kinh tế và Hạ tầng tại Báo cáo thẩm định số 142/TĐ-KTHT ngày 20/5/2021 (kèm theo Tờ trình của UBND xã Bình Sơn).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Bình Sơn, huyện

Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030 với những nội dung sau:

1. Phạm vi và quy mô khu đất lập quy hoạch:

1.1. Phạm vi, ranh giới:

Phạm vi nghiên cứu lập quy hoạch trên là toàn bộ địa giới hành chính xã Bình Sơn, ranh giới cụ thể như sau:

- Phía Bắc giáp xã Xuân Thắng, Xuân Phú, huyện Thọ Xuân;
- Phía Nam giáp xã Cán Khê, Xuân Thọ, huyện Như Thanh;
- Phía Tây giáp xã Luận Thành, huyện Thường Xuân;
- Phía Đông giáp xã Thọ Bình, Thọ Sơn, huyện Triệu Sơn.

1.2. Quy mô diện tích lập quy hoạch: khoảng 1.704,31ha.

2. Mục tiêu quy hoạch, tính chất, chức năng của xã:

2.1. Mục tiêu quy hoạch:

Cụ thể hóa được các mục tiêu yêu cầu tại nhiệm vụ lập và dự toán quy hoạch, được UBND huyện Triệu Sơn phê duyệt tại Quyết định số 1858/QĐ-UBND ngày 12/03/2021.

2.2. Tính chất, chức năng của xã:

Quy hoạch xây dựng xã Thọ Bình là quy hoạch xây dựng nông thôn; chức năng là sản xuất, phát triển kinh tế lâm nghiệp, chăn nuôi, khai thác khoáng sản, nông nghiệp gắn với phát triển tiểu thủ công nghiệp, thương mại – dịch vụ của vùng huyện Triệu Sơn.

3. Quy mô dân số, lao động, các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu:

3.1. Quy mô dân số, lao động:

3.1.1. Dân số:

Dân số hiện trạng là 3.077 người; dự báo đến năm 2025 là 3.475 người, đến năm 2030 là 3.581 người.

3.1.2. Lao động:

Dự báo lao động đến năm 2025 là 2.150 người, đến năm 2030 là 2.430 người.

3.2. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu:

3.2.1. Về sử dụng đất:

- Điểm dân cư nông thôn:

+ Đất xây dựng công trình nhà ở: $\geq 25\text{m}^2/\text{người};$

+ Đất xây dựng công trình, dịch vụ: $\geq 5\text{m}^2/\text{người};$

+ Đất cho giao thông và hạ tầng kỹ thuật: $\geq 5\text{m}^2/\text{người};$

+ Cây xanh công cộng: $\geq 2\text{m}^2/\text{người};$

- Trụ sở cơ quan xã: $\geq 1.000\text{m}^2.$

- Đất xây dựng trường mầm non, quy mô 50 chỗ/1000 dân: $\geq 12\text{m}^2/\text{chỗ}$

- Đất xây dựng trường tiểu học, quy mô 65 chỗ/1000 dân: $\geq 10\text{m}^2/\text{chỗ}$

- Đất xây dựng trường trung học, quy mô 55 chỗ/1000 dân: $\geq 10\text{m}^2/\text{chỗ}$

- Trạm y tế xã: $\geq 500\text{m}^2/\text{trạm}$.
(*Có vườn thuốc* $\geq 1000\text{m}^2/\text{trạm}$).
- Đất xây dựng nhà văn hóa xã: $\geq 1.000\text{m}^2$.
- Đất xây dựng nhà văn hóa thôn: $\geq 500\text{m}^2$.
- Đất xây dựng sân thể thao xã: $\geq 4.000\text{m}^2$.
- Đất xây dựng sân thể thao thôn: $\geq 1.000\text{m}^2$.
- Đất xây dựng điểm phục vụ bưu chính viễn thông: $\geq 150\text{m}^2$.
- Đất xây dựng chợ: $\geq 3.000\text{m}^2/\text{chợ/xã}$.

3.2.2. Các chỉ tiêu quy hoạch hạ tầng kỹ thuật:

- Chỉ tiêu về vệ sinh môi trường: ≥ 1 kg rác/người/ngày/đêm.
- Về cấp nước tiêu chuẩn: ≥ 120 lít/người/ngày.
- Về thoát nước bản tiêu chuẩn: ≥ 80 % lượng nước cấp.
- Về cấp điện tiêu chuẩn: $\geq 660\text{W}/\text{hộ/ngày/đêm}$.

3.2.3. Các nội dung khác: Theo quy định tại Thông tư số 22/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 về Ban hành quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng và QCVN 4454:2012 về quy hoạch nông thôn – tiêu chuẩn thiết kế.

4. Phân khu chức năng:

4.1. Khu trung tâm xã: Khu trung tâm của xã (*UBND xã, nhà văn hóa, sân thể thao, trường học, trạm y tế*) được quy hoạch nằm trên trục đường chính quan trọng của xã thuộc thôn Thoi hướng kết nối với đường tỉnh lộ 519B, 516C và các thôn trong xã.

4.2. Hệ thống thôn và các khu dân cư tập trung: Giữ nguyên các khu dân cư tập trung tại 5 thôn (*thôn Thoi, thôn Bồn Dồn, thôn Đông Tranh, thôn Bao Lâm, thôn Cây Xe*); Ban hành các quy định quản lý kiến trúc và trật tự xây dựng để các cá nhân, tổ chức trong các thôn thực hiện đầu tư xây dựng, đảm bảo mỹ quan.

4.3. Khu sản xuất, dịch vụ.

4.3.1 Khu sản xuất nông nghiệp.

a) Ngành trồng trọt:

Khu vực trồng lúa tập trung trên các ruộng thường xuyên có đủ nước tưới, giống lúa trồng là các giống lúa mới có năng suất cao, chống chịu sâu bệnh, chất lượng tốt, mang lại giá trị kinh tế cao; Tiến hành chuyển đổi hình thức sản xuất tập trung.

b) Ngành chăn nuôi – trồng trọt khác:

Để phát huy thế mạnh của xã và tăng thu nhập cho người dân, trong thời gian tới xã cần đầu tư khuyến khích các hộ gia đình hình thành và phát triển các mô hình trang trại. Quy hoạch xây dựng trang trại tại các khu vực sau:

- Trang trại tổng hợp tại thôn Bao Lâm với diện tích 6,0ha, kết hợp chăn nuôi hộ gia đình (Ô đất ký hiệu NKH01).

- Khu sản xuất giống cây trồng Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp tại thôn Bao Lâm với diện tích 0,44ha (Ô đất ký hiệu NKH02).

c) Ngành thủy sản:

Quy hoạch giữ nguyên diện tích đất nuôi trồng thủy sản của xã là 8,28ha; Khuyến khích phát triển nuôi trồng những loại thủy sản đặc sản, có năng suất và giá trị kinh tế cao.

4.3.2. Khu phát triển tiểu thủ công nghiệp làng nghề - thương mại dịch vụ, sản xuất kinh doanh.

a) Khu sản xuất kinh doanh – Tiểu thủ công nghiệp và làng nghề:

- Quy hoạch xây dựng nhà máy sản xuất chè tại thôn Đông Tranh với diện tích 2,0ha (Ô đất ký hiệu SKC01). Mật độ xây dựng 40%, tầng cao 1-3 tầng.

- Quy hoạch khu sản xuất kinh doanh tại thôn Bao Lâm với diện tích 12,0ha (Ô đất ký hiệu SKC02). Mật độ xây dựng 40%, tầng cao 1-3 tầng.

b) Khu vực dịch vụ - thương mại: Quy hoạch hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp tại thôn Bao Lâm với diện tích 0,55ha, (Ô đất ký hiệu: HTX01). Mật độ xây dựng 40%, tầng cao 1-3 tầng.

4.4. Khu vực có khả năng phát triển.

- Khu vực thôn Thoi gần trụ sở UBND xã.

- Khu vực ven đường thôn Thoi, thôn Đông Tranh bao gồm: tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ thương mại, đất dân cư mới phát triển...

4.5. Khu vực cấm xây dựng, đặc thù và các công trình đầu mối.

- Vùng hạn chế xây dựng: Các khu vực sản xuất nông nghiệp. Khu vực này chủ yếu giữ theo hiện trạng, để đảm bảo ổn định diện tích sản xuất nông nghiệp.

- Vùng cấm xây dựng bao gồm: bao gồm các vùng xung quanh các Hồ - Đập, sườn đồi. Đây là khu vực dễ gặp nạn khi có biến cố thiên tai về khí hậu như mưa bão lớn.

5. Định hướng tổ chức không gian toàn xã.

5.1. Phân vùng phát triển kinh tế.

Toàn xã Bình Sơn đến năm 2030, được chia thành 02 tiểu phát triển kinh tế:

- Vùng 1 (Dọc hai bên trục đường liên xã là thôn Thoi): Đây là khu vực trọng điểm phát triển kinh tế của xã. Định hướng khu vực tập trung phát triển các điểm dịch vụ thương mại, dịch vụ vận tải, tiểu thủ công nghiệp gắn với các điểm dân cư nông thôn.

- Vùng 2: (Khu vực còn lại trong toàn bộ xã) là vùng sản xuất nông nghiệp và sản xuất nông nghiệp tập trung trung kết hợp kinh doanh thương mại nhỏ, lẻ.

5.2. Định hướng tổ chức hệ thống công trình công cộng

5.2.1. Khu công sở xã: Giữ nguyên vị trí tại thôn Thoi, diện tích hiện tại 0,32ha, Quy hoạch mở rộng thêm 0,24ha, tổng diện tích sau mở rộng là 0,56ha. Mật độ xây dựng 40%. Tầng cao 1-3 tầng (Ô đất ký hiệu TSC01).

5.2.2. Khu trung tâm văn hóa- thể thao xã, thôn.

a) Trung tâm văn hóa xã: Giữ nguyên vị trí hiện tại nằm ở thôn Thoi có diện tích là 1.000m². Mật độ xây dựng 40%. Tầng cao trung bình 1-3 tầng.

b) Sân thể thao xã: Giữ nguyên vị trí hiện tại nằm ở thôn Thoi với diện tích 5.532 m² (Ô đất ký hiệu DTT01).

5.2.3. Nhà văn hóa – sân thể thao thôn

a) Nhà văn hóa thôn:

- Quy hoạch nhà văn hóa thôn Thoi với diện tích 0,13 ha (Ô đất ký hiệu DVH01);

- Quy hoạch nhà văn hóa thôn Bồn Dồn với diện tích 0,06 ha (Ô đất ký hiệu DVH02);

- Quy hoạch nhà văn hóa thôn Bao Lâm với diện tích 0,19 ha (Ô đất ký hiệu DVH03);

- Giữ nguyên nhà văn hóa thôn Cây Xe với diện tích 0,05 ha(Ô đất ký hiệu DVH04);

- Giữ nguyên nhà văn hóa thôn Đông Tranh với diện tích 0,02 ha(Ô đất ký hiệu DVH05);

- Mật độ xây dựng 40%. Tầng cao 1-3 tầng.

b) Sân thể thao thôn:

- Quy hoạch xây dựng sân thể thao thôn Bao Lâm với diện tích 0,15 ha (Ô đất ký hiệu DTT02); Sân thể thao thôn Bồn Dồn với diện tích 0,31 ha (Ô đất ký hiệu DTT03).

5.2.4. Công trình y tế: Giữ nguyên vị trí hiện nay, nằm tại thôn Thoi với diện tích 0,4 ha. Mật độ xây dựng 40%. Tầng cao 1 – 3 tầng; (Ô đất ký hiệu DYT01).

5.2.5. Công trình giáo dục.

Hiện tại trên địa bàn xã có 3 cấp trường học, cụ thể các trường như sau:

a) Trường Mầm non:

Giữ nguyên vị trí hiện tại ở thôn Thoi, diện tích khu đất quy hoạch là 0,52ha, trong đó diện tích hiện trạng là 0,4ha, diện tích mở rộng là 0,12ha. Mật độ xây dựng 40%. Tầng cao 1-2 tầng; (Ô đất ký hiệu DGD01).

b) Trường Tiểu học và Trung học cơ sở:

Giữ nguyên vị trí hiện tại ở thôn Thoi. Diện tích khu đất: 0,95ha. Mật độ xây dựng 45%. Tầng cao 1-3 tầng, (Ô đất ký hiệu DGD02).

5.2.6. Điểm bưu điện văn hóa xã: Quy hoạch điểm bưu điện xã nằm tại thôn Thoi với diện tích 0,06 ha. Kiến trúc công trình: Nhà bằng, chất lượng kiên cố (Ô đất ký hiệu DBV01).

5.2.7. Chợ: Mở mới chợ nằm ở thôn Thoi với diện tích 0,6 ha. Mật độ xây dựng 80%; Tầng cao 1-3 tầng. Ô đất ký hiệu DCH01.

5.2.8. Công trình an ninh: Quy hoạch xây dựng trụ sở công an xã với diện tích 0,1ha. Mật độ xây dựng 40% khu đất. Tầng cao 1 -3 tầng (Ô đất ký hiệu CAN01).

5.2.9. Nhà trực trung đội dân quân cơ động xã: Quy hoạch xây dựng nhà trực trung đội dân quân cơ động xã với diện tích là 0,05ha. Mật độ xây dựng 40% khu đất. Tầng cao 1-3 tầng (Ô đất ký hiệu CQP01).

5.2.10. Định hướng tổ chức không gian quy hoạch khu dân cư mới và cũ

- Giữ nguyên các khu dân cư tập trung tại 5 thôn, cải tạo, xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật đáp ứng yêu cầu hạ tầng kỹ thuật nông thôn; Ban hành các quy định quản lý kiến trúc và trật tự xây dựng để các cá nhân, tổ chức trong các thôn thực hiện đầu tư xây dựng, đảm bảo mỹ quan của bộ mặt của các thôn, xóm.

- Quy hoạch xây dựng các điểm dân cư mới đến năm 2025 diện tích khoảng 3,21ha; Đến năm 2030, diện tích khoảng 6,15 ha; ; Mật độ xây dựng 80%. Tầng cao 1 -3 tầng; (Ô đất ký hiệu PT01-PT05).

6. Quy hoạch mạng lưới công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng phục vụ sản xuất, công trình đầu mối

6.1. Công trình hạ tầng sản xuất

6.1.1. Hệ thống giao thông nội, ngoại đồng: Giữ nguyên hệ thống giao thông theo hiện trạng, nâng cấp, cải tạo các tuyến đường, đáp ứng nhu cầu đi lại, sản xuất của người dân.

6.1.2. Hệ thống kênh mương: Giữ nguyên hệ thống kênh mương nội đồng với tổng chiều dài 19,km; Nâng tu bổ, xây mới lại hệ thống kênh mương đáp ứng phát triển sản xuất; Hồ - đập: Cải tạo nâng cấp Hồ Thoi và Hồ Khe Ngàm.

6.2. Công trình hạ tầng kỹ thuật.

6.2.1. Hệ thống giao thông.

Hệ thống giao thông xã được chia thành 02 hệ thống gồm: giao thông đối ngoại và giao thông đối nội, cụ thể :

a) Hệ thống giao thông đối ngoại:

- Đường TL.519B qua xã với chiều dài 2,5km; Lộ giới 42,0m, nền đường 12,0m, hành lang giao thông $15,0m \times 2 = 30,0m$.

- Đường huyện ĐH-TS.03 qua xã với chiều dài 1,7km; nền đường 7,5m, mặt đường 5,5m, lề đường $1,0m \times 2 = 2,0m$.

- Đường huyện ĐH-TS.04 qua xã với chiều dài 3,1km; nền đường 7,5m, mặt đường 5,5m, lề đường $1,0m \times 2 = 2,0m$.

- Đường xã: gồm 03 tuyến, với tổng chiều dài là 10,72km. Ký hiệu từ ĐTX-BS.01 - ĐTX-BS.04. Lộ giới 20,5m, nền đường là 10,5, hè đường $5,0m \times 2 = 10,0m$.

b) Hệ thống giao thông đối nội:

Nâng cấp, mở rộng các tuyến giao thông trục thôn, liên thôn, trục xóm, nội đồng trên cơ sở mạng lưới cũ đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật theo tiêu chí chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao:

- Tuyến đường trục thôn: gồm 22 tuyến, với tổng chiều dài 1,2km. Ký hiệu từ ĐTT-BS.01 - ĐTT-BS.21. Lộ giới từ 6,5m – 17,5m, trong đó hè đường từ 8,0m – 10,0m.

- Tuyến đường ngõ xóm: gồm 23 tuyến, với tổng chiều dài 8,6km, Ô đất ký hiệu ĐNX-BS.01 - ĐNX-BS.22. Lộ giới là 5,0m – 6,5m, trong đó: mặt đường là 3,5m – 5,0m.

6.2.2. Quy hoạch cao độ nền

- Khu trung tâm nằm kề đường liên xã, độ cao san nền sẽ gắn với đường liên xã và theo địa hình tự nhiên, thấp dần từ Tây sang phía Đông. Nhìn chung với định hướng như vậy khu trung tâm không phải san lấp thêm. Các công trình khi thiết kế sẽ xác định độ cao nền nhà phù hợp.

- Các tuyến kênh mương khi cải tạo, cứng hóa cần xác định cao độ đáy kênh phù hợp. Với các tuyến kênh tưới cốt đáy kênh thiết kế cần căn cứ vào cốt mặt ruộng trong khu vực, hướng tuyến kênh để thiết kế cho phù hợp.

6.2.3. Hệ thống cấp nước

- Nguồn nước và hệ thống cấp nước: Bố trí mạng lưới đường ống cấp nước sạch từ xã Hợp Lý trung chuyển qua xã Thọ Bình. Mạng lưới đường ống cấp nước được thiết kế mạng vòng kết hợp nhánh cụt, các đường ống đi ngầm dưới vỉa hè hoặc lòng đường, với tiết diện đường ống chính D110- D200; Giai đoạn trước mắt, nguồn nước sinh hoạt được lấy từ nguồn nước giếng khoan từ các mạch nước ngầm.

- Hệ thống cấp nước chữa cháy: Được thiết kế sử dụng chung với đường ống cấp nước sinh hoạt, các họng cứu hỏa đầu nối với đường ống cấp nước có đường kính \geq D100 mm và khoảng cách giữa các họng cứu hỏa khoảng 150m.

6.2.4. Hệ thống điện

- Trên địa bàn xã có 3,2 km đường dây trung thế 10KV; 18km đường dây hạ thế 0,4KV, phần lớn là dây bọc mới thay mới đảm bảo an toàn về kỹ thuật, đảm bảo chất lượng theo quy định. Toàn xã có tổng 05 trạm biến áp, với tổng công suất 710 KVA, trong kỳ quy hoạch mở mới trạm biến áp thôn Cây Xe với diện tích 0,04 ha (Ô đất ký hiệu DNL01), với công suất 500KVA để đáp ứng nhu cầu sử dụng điện của nhân dân.

6.3. Công trình hệ thống thoát nước thải và vệ sinh môi trường

6.3.1. Hệ thống xử lý nước thải

Nước thải sinh hoạt ở các khu dân cư của xã Bình Sơn sau khi xử lý sẽ được theo các mương dẫn nước thải đổ ra hệ thống tiêu thoát nước chung.

Mương rãnh dẫn nước thải thường được thiết kế chạy dọc theo đường giao thông, kết hợp cả tiêu thoát nước thải và tiêu thoát nước mưa.

Phương án thoát nước: Với các điểm dân cư tập trung cần xây hệ thống mương nắp đan thu nước sau đó dẫn ra các kênh tiêu và đổ ra kênh thoát, còn các điểm dân cư thưa thớt thiếu tập trung trước mắt vẫn sử dụng phương pháp thăm thâu có biện pháp xử lý triệt để đảm bảo không ảnh hưởng đến môi trường.

6.3.2. Hệ thống rác thải

Hiện trạng xã chưa có đất chôn lấp xử lý chất thải, trong kỳ quy hoạch xã quy hoạch bãi tập trung và trung chuyển tại thôn Cây Xe với diện tích 1,1ha. Ô đất ký hiệu RAC01.

Khuyến khích và hướng dẫn nhân dân phân loại chất thải rắn (CTR) ngay

tại nguồn thành 2 loại vô cơ và hữu cơ. Đối với CTR hữu cơ, các hộ gia đình tận dụng một phần cho chăn nuôi gia súc, phần còn lại sẽ ủ, tạo thành phân vi sinh phục vụ nông nghiệp. CTR vô cơ không còn được tái chế, sẽ chuyển về bãi trung chuyển để vận chuyển đi xử lý.

6.3.3. Quy hoạch nghĩa trang.

- Trong giai đoạn ngắn hạn các nghĩa trang nhỏ lẻ trên địa bàn xã sẽ đóng cửa, đồng thời có kế hoạch khoanh vùng trồng cây xanh cách ly đảm bảo mỹ quan môi trường.

- Trong giai đoạn dài hạn: quy hoạch 2 nghĩa trang tập trung:

+ Quy hoạch nghĩa trang thôn Cây Xe với diện tích 1,0ha (Ô đất ký hiệu NTD01).

+ Quy hoạch nghĩa trang thôn Đông Tranh với diện tích 1,0ha (Ô đất ký hiệu NTD02).

7. Các dự án, công trình ưu tiên đầu tư và nguồn vốn

7.1. Các dự án, công trình ưu tiên đầu tư

- Nâng cấp, mở rộng hệ thống giao thông trục chính, đầu tư hệ thống rãnh thoát nước, cây xanh, hệ thống chiếu sáng.

- Xây dựng, cải tạo kiến cố hoá hệ thống kênh mương nội đồng.

- Đầu tư xây dựng mới trạm biến áp, nâng cấp các trạm biến áp hiện có; xây dựng, cải tạo, nâng cấp hệ thống đường dây điện.

- Đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước sạch, thoát nước thải và thoát nước mặt theo hướng đồng bộ - hiện đại.

- Đầu tư xây dựng mới khu trung tâm văn hoá thể dục thể thao xã, công sở UBND xã, nhà công an, nhà trực dân quân cơ động, nhà văn hóa và sân thể thao các thôn, trạm y tế, bưu điện.

- Cải tạo, chỉnh trang các công trình công cộng, các khu dân cư hiện có.

7.2. Nguồn vốn: Từ nguồn vốn ngân sách và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân xã Bình Sơn có trách nhiệm:

- Tổ chức công bố, công khai rộng rãi nội dung đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Bình Sơn, huyện Triệu Sơn đến năm 2030 để các cơ quan, tổ chức, đơn vị, nhân dân biết, kiểm tra giám sát và thực hiện; đồng thời lưu trữ hồ sơ theo quy định.

- Phối hợp với các phòng, ban, ngành và các cơ quan có liên quan tổ chức, triển khai thực hiện đúng quy hoạch được duyệt và các quy định hiện hành.

- Tổ chức đưa mốc giới quy hoạch ra ngoài thực địa (cắm mốc, định vị khu vực trung tâm xã, tim tuyến, lộ giới các trục giao thông chính, các khu vực bảo vệ...) quản lý theo quy định.

2. Các phòng, ban, ngành cấp huyện và các đơn vị có liên quan căn cứ quy hoạch được duyệt, phối hợp với UBND xã Bình Sơn tổ chức, triển khai thực hiện quy hoạch đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện; Trưởng các phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính - Kế hoạch, Nông nghiệp và PTNT; Chủ tịch UBND xã Bình Sơn và Thủ trưởng các ban, ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận :

- TT Huyện ủy (b/c);
- TT HĐND huyện (b/c);
- CT, các PCT UBND huyện;
- VP Điều phối NTM huyện;
- Như Điều 3 QĐ;
- UBND xã Bình Sơn;
- Lưu: VT, KTHT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Vũ Đức Kính